

Số: **301** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **19** tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tại Công văn số 05/BCH-VP ngày 14 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025.

Điều 2. Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025 chủ động xây dựng và thực hiện Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. 07

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

CHƯƠNG TRÌNH

**Tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 301 /QĐ-UBND ngày 19/02/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Phần 1

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG

Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), được xây dựng trên cơ sở các văn bản sau:

- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

- Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

- Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo; thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Trà Vinh với Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước...

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đảm bảo môi trường pháp lý phù hợp, thuận lợi cho hoạt động viện trợ không hoàn lại của các cá nhân, tổ chức quốc tế; nâng cao tính chủ động, năng lực hợp tác của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương trong xây dựng nhu cầu và công tác vận động, quản lý, sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cùng cố, tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã và đang hoạt động tại Trà Vinh và Việt Nam; mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài có tiềm năng khác.

- Duy trì và nâng cao giá trị viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế và các nguồn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại từ các đối tác; nâng cao hiệu quả của viện trợ thông qua việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của các chương trình, dự án diễn ra trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các đối tác có yếu tố nước ngoài cho cán bộ làm công tác vận động viện trợ; định hướng cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh xây dựng các chương trình vận động viện trợ không hoàn lại của từng cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

III. ĐỊNH HƯỚNG HỢP TÁC

1. Định hướng chung:

- Vận động viện trợ không hoàn lại phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xóa đói - giảm nghèo của tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, địa phương; tăng cường kêu gọi vốn viện trợ đạt giá trị và hiệu quả cao.

- Đảm bảo kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với ổn định quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; khuyến khích hỗ trợ những đối tượng thiết thời trong xã hội; nâng cao năng lực cho đối tác và người hưởng lợi.

2. Định hướng theo lĩnh vực:

a) Giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng trường học các cấp, xây dựng hệ thống thư viện sách và hỗ trợ trang thiết bị cho trường học, ưu tiên các dự án dạy nghề cho những người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ học bổng cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh khó khăn; trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp tình nguyện viên nước ngoài cho các trường đào tạo, các trường phổ thông.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên các cấp, ưu tiên đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ

thông ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho các trường phổ thông.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị dạy nghề của hệ thống các trường, trung tâm dạy nghề; hỗ trợ chương trình đào tạo dạy nghề phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề; chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình dạy nghề hiệu quả.

b) Y tế:

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức cho cán bộ y tế từ tuyến xã đến cấp huyện, cấp tỉnh.

- Hỗ trợ phát triển hạ tầng cơ sở y tế; hỗ trợ trang thiết bị y tế, chuyên giao công nghệ cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và xã.

- Hỗ trợ những chương trình y tế dành cho người nghèo như phẫu thuật mắt, phẫu thuật tim, khám chữa bệnh; phối hợp tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh nhân đạo cho trẻ em, người già và các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; các chương trình quốc gia về phòng chống sốt rét, lao phổi, sốt xuất huyết, nước sạch vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, cận thị học đường ở trẻ em và dinh dưỡng trẻ em.

- Hỗ trợ phòng chống và điều trị cho người có HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm, phòng chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa.

c) Nông - lâm - ngư nghiệp và phát triển nông thôn:

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thông qua đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các hộ dân; xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển nuôi trồng, đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xúc tiến hợp tác thương mại để tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp; hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Phát triển nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững; hỗ trợ ngư dân tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản.

- Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, các công trình thủy lợi, hồ đập phục vụ nông nghiệp, xây dựng các công trình chống biến đổi khí hậu.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng chống và kiểm soát dịch bệnh gia súc, gia cầm.

d) Giải quyết các vấn đề xã hội:

- Hỗ trợ các chương trình giáo dục và triển khai các hoạt động giúp đỡ trẻ mồ côi, khuyết tật, trẻ lang thang cơ nhỡ, có hoàn cảnh khó khăn.

- Hỗ trợ phòng chống bạo lực gia đình, xâm hại, bạo hành phụ nữ, trẻ em và hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Xây nhà cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Hỗ trợ trong việc xây dựng các trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm cho người khuyết tật; tặng hiện vật như xe lăn, xe đẩy, hỗ trợ đời sống.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và tài chính cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế.

e) Môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp:

- Triển khai các chương trình, dự án bảo vệ môi trường và cải thiện môi trường sống: Trồng và bảo vệ rừng ngập mặn tại các huyện ven biển, gia cố đê điều; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường...

- Phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm; các công trình phòng chống thiên tai như hệ thống hồ, đập, đê điều, kè chống sạt lở, các công trình ngăn xâm nhập mặn.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức phòng chống, khắc phục thiên tai cho các cấp, các ngành, người dân và cộng đồng kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai như: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, y tế, giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ khắc phục môi trường sau thiên tai, xây dựng nhà ở.

- Quản lý tài nguyên thiên nhiên, hỗ trợ khuyến khích các dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên theo hướng bền vững; kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ các chương trình, dự án nhằm ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng môi trường sống, đa dạng sinh học và đạt các chỉ tiêu về môi trường.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng quản lý chất thải đô thị, y tế, tái sử dụng và tái chế xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; xây dựng các bãi xử lý rác tập trung và mô hình xử lý rác hộ gia đình nông thôn.

- Hỗ trợ các mô hình nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, xây dựng mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu.

f) Văn hóa, thể thao và du lịch:

- Hỗ trợ bảo tồn, nghiên cứu phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

- Hỗ trợ trang thiết bị cho thể thao cộng đồng, thể thao người khuyết tật ở các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

3. Định hướng theo địa bàn:

a) Khu vực nông thôn:

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Phát triển khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ phát triển hạ tầng sản xuất quy mô nhỏ; xây dựng các mô hình phát triển nông thôn tổng hợp, mô hình nông thôn mới, phát triển nông thôn theo vùng, phát huy đặc điểm và lợi thế của từng vùng.

- Đào tạo, dạy nghề; phát triển ngành nghề thủ công; tạo cơ hội việc làm và thu nhập phi nông nghiệp; các chương trình tín dụng và tiết kiệm dựa vào cộng đồng.

- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi...).

- Đào tạo cán bộ y tế; nâng cấp, xây dựng hạ tầng cơ sở y tế, cung cấp trang thiết bị cho các bệnh viện, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã; cấp nước sạch, nâng cao vệ sinh môi trường.

- Xây dựng hạ tầng cơ sở giáo dục, kiên cố hóa hệ thống các trường, đặc biệt là trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non; hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Bảo vệ và cải thiện môi trường; ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ.

- Phát triển mô hình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng.

b) Khu vực đô thị:

- Giải quyết ô nhiễm môi trường; hỗ trợ thu gom và xử lý chất thải rắn; hỗ trợ đầu tư các dự án nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sống.
- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm.
- Phát triển ngành, nghề thủ công; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chăm sóc sức khỏe, chú trọng các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các cơ sở y tế chuyên sâu; đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế.
- Phòng, chống HIV/AIDS, tệ nạn ma túy, mại dâm.

Phần 2 **BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến công tác vận động viện trợ không hoàn lại để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến địa phương; bổ sung, sửa đổi Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào triển khai các hoạt động tại tỉnh đúng theo quy định.

- Xây dựng chính sách khuyến khích khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn viện trợ không hoàn lại; kịp thời tổ chức khen thưởng các tổ chức, cá nhân có những đóng góp trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tăng cường hợp tác, cung cấp thông tin:

- Tăng cường cung cấp thông tin về nhu cầu vận động viện trợ không hoàn lại của các ngành, địa phương bằng nhiều phương thức để chuyển tải đến nhà tài trợ như cập nhật các dự án kêu gọi vận động viện trợ không hoàn lại lên Cổng thông tin điện tử của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các đơn vị có liên quan.

- Tạo lập các mối quan hệ và tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, nhu cầu... của tỉnh để tiếp xúc, vận động các nhà tài trợ.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các đơn vị địa phương trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

3. Công tác giám sát, đánh giá:

- Hàng năm, tổ chức tổng kết công tác phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại bằng hình thức phù hợp để đánh giá kết quả thực hiện và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại, đồng thời ban hành các văn bản chấn chỉnh, yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác viện trợ không hoàn lại, yêu cầu phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm quản lý chặt chẽ các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài đảm bảo chính xác, sử dụng đúng mục đích các chương trình, dự án theo kế hoạch đề ra.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại giữa các cấp, các ngành để đảm bảo an ninh đối ngoại trong quá trình vận động, tiếp nhận nguồn viện trợ.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, hướng dẫn về tình hình thực hiện công tác vận động và quản lý viện trợ không hoàn lại các địa phương nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý.

4. Tăng cường nguồn nhân lực và bộ máy cơ quan quản lý:

- Tăng cường nguồn nhân lực trong công tác vận động viện trợ không hoàn lại, bố trí cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm công tác đối ngoại và phi chính phủ nước ngoài ở các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.

- Cử cán bộ làm công tác đối ngoại, phi chính phủ của tỉnh tham dự các khóa tập huấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về các kỹ năng: Thu thập thông tin, điều tra, khảo sát lập các chương trình, dự án; đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực chuẩn bị dự án kêu gọi viện trợ không hoàn lại, trình độ ngoại ngữ; xây dựng nội dung vận động viện trợ; kiểm tra, giám sát, đánh giá các chương trình, dự án viện trợ và nắm vững các quy định của Nhà nước về vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại.

5. Phương thức vận động:

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan Trung ương: Bộ Ngoại giao, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ban Điều phối viện trợ nhân dân... trong công tác xúc tiến vận động, tiếp nhận và quản lý viện trợ không hoàn lại phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên vận động của tỉnh và đảm bảo an ninh đối ngoại.

- Duy trì và phát huy các mối quan hệ sẵn có với các tổ chức đang có chương trình, dự án hoạt động tại tỉnh để từ đó đề xuất thêm những lĩnh vực đề nghị hỗ trợ mới và thúc đẩy các dự án dài hạn.

- Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo giới thiệu nhu cầu vận động viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh; xây dựng ngân hàng dự án với các chương trình, lĩnh vực, địa bàn và các thông số cụ thể.

- Tổ chức tiếp xúc, vận động trực tiếp với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các quỹ hợp tác phát triển của các nước tại Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài; tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở các tỉnh thực hiện tốt công tác vận động viện trợ phi chính phủ.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Chịu trách nhiệm đôn đốc và theo dõi việc thực hiện các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Là cơ quan đầu mối trong việc quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại.

- Tăng cường phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan trong công tác xúc tiến vận động, tiếp nhận và quản lý viện trợ không hoàn lại.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ban, ngành có liên quan về công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách liên quan đến công tác quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đối ứng, vốn chuẩn bị đầu tư cho các chương trình, dự án (khi có yêu cầu về vốn đối ứng).

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương hồ sơ, thủ tục, trình tự tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

3. Sở Tài chính:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, các khoản viện trợ không hoàn lại.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại đúng theo quy định hiện hành.

4. Công an tỉnh:

- Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham gia ý kiến về việc cấp mới, sửa đổi, bổ sung, gia hạn các loại Giấy đăng ký hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế trên địa bàn tỉnh; hoạt động của người nước ngoài và người Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại do các Bộ, ban, ngành, các tổ chức hội, hiệp hội Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh; phối hợp xử lý các vấn đề có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh.

5. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh:

- Là cơ quan đầu mối trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Kết nối và cung cấp thông tin, chương trình vận động viện trợ, các danh mục dự án kêu gọi viện trợ với các tổ chức; theo dõi, tổng hợp và cung cấp thông tin liên quan đến các tổ chức cho các ngành, địa phương.

- Chủ động tìm hiểu, tiếp xúc vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có tiêu chí hoạt động phù hợp đến khảo sát, triển khai chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện đúng quy định của Nhà nước về trình tự, thủ tục, nội dung làm việc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

6. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức trong toàn tỉnh:

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai và quản lý các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực và địa bàn của đơn vị phụ trách theo đúng các cam kết đã ký với bên tài trợ; định kỳ 06 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện cho các cơ quan chức năng của tỉnh.

- Chủ động vận động các nguồn viện trợ và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các khoản viện trợ; cụ thể hóa các nội dung ưu tiên vận động viện trợ trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hàng năm, tổng hợp các nhu cầu cần vận động viện trợ của đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các danh mục kêu gọi viện trợ.

- Tham gia ý kiến khi có văn bản của các cơ quan có thẩm quyền đề nghị góp ý, báo cáo những vấn đề có liên quan đến công tác vận động, tiếp nhận và quản lý nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ những vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

7. Kinh phí thực hiện:

Ngân sách cho việc xây dựng và triển khai Chương trình trích từ ngân sách Nhà nước, được dự toán trong ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và kinh phí đóng góp từ các nguồn hợp pháp khác trong và ngoài nước.

Trên đây là Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có các vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp, đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương phản ánh về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./. ▽

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm